

Việt Trì, ngày 4 tháng 02 năm 2021

Sè: 02 /2021/QĐST - KDTM

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 28 tháng 01 năm 2021 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 24/2020/TLST- KDTM ngày 09 tháng 11 năm 2020 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TV

Địa chỉ: Số a, LH, phường LH, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D, chức vụ: Chủ tịch HĐQT.

Người được ủy quyền: Ông Phạm Tuấn A, Chức vụ: Phó Giám đốc Trung tâm xử lý nợ Pháp lý (Theo văn bản ủy quyền số 25/2020/UQ-HĐQT ngày 07/7/2020).

Người được ủy quyền lại: Ông Phan Duy H, Chức vụ: Cán bộ xử lý nợ - Ngân hàng TV.

Bị đơn: Công ty TS

Địa chỉ: Xóm MB, phường MB, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đào Văn N, chức vụ: Giám đốc

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Về số tiền và trách nhiệm trả nợ: Công ty TS xác nhận còn nợ Ngân hàng TV tính đến ngày 15/12/2020 số tiền là: 914.075.118 đ (Chín trăm mười bốn triệu, không trăm bảy mươi lăm nghìn, một trăm mười tám đồng), trong đó nợ gốc: 524.381.227đ (Năm trăm hai mươi tư triệu, ba trăm tám mươi một nghìn, hai trăm hai mươi bảy đồng) và nợ lãi 389.693.891 (Ba trăm tám mươi chín triệu, sáu trăm chín mươi ba nghìn, tám trăm chín mươi một) đồng theo các hợp đồng tín dụng số 140316 -2584311 - 01 - SME ngày 15/3/2016, hợp đồng

tín dụng số 260516 - 2584311 - 01- SME ngày 27/5/2016 và các khế ước nhận nợ kèm theo.

2.2. Về lộ trình trả nợ cụ thể như sau:

Chậm nhất ngày 28/5/2021 Công ty TS phải thanh toán cho Ngân hàng TV số tiền tạm tính đến ngày 15/12/2020 là: 914.075.118 đ (Chín trăm mười bốn triệu, không trăm bảy mươi lăm nghìn, một trăm mười tám đồng), trong đó nợ gốc: 524.381.227đ (Năm trăm hai mươi tư triệu, ba trăm tám mươi một nghìn, hai trăm hai mươi bảy đồng) và nợ lãi 389.693.891 (Ba trăm tám mươi chín triệu, sáu trăm chín mươi ba nghìn, tám trăm chín mươi một) đồng theo các hợp đồng tín dụng số 140316 -2584311 - 01 - SME ngày 15/3/2016, hợp đồng tín dụng số 260516 - 2584311 - 01- SME ngày 27/5/2016 và các khế ước nhận nợ kèm theo. Kể từ ngày 16/12/2020 Công ty TS phải tiếp tục chịu khoản lãi theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng theo hợp đồng tín dụng số 140316 - 2584311 - 01- SME ngày 15/3/2016, hợp đồng tín dụng số 260516 - 2584311 - 01 - SME ngày 27/5/2016 và các khế ước nhận nợ kèm theo cho đến khi tất toán xong khoản nợ.

Trong lộ trình trả nợ nếu Công ty TS không thực hiện đúng và đủ nghĩa vụ trả nợ hoặc vi phạm thời hạn trả nợ thì Ngân hàng TV có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự kê biên phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi toàn bộ khoản nợ là:

+ 01 xe ô tô nhãn hiệu Ford Ranger, BKS: 19C 087 67 (Giấy chứng nhận Đăng ký xe ô tô số 013616 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Phú Thọ cấp ngày 10/4/2015) đứng tên Công ty TS. Thế chấp tại Ngân hàng theo Hợp đồng thế chấp xe ô tô số 260516 -2584311 - 01 - SME/TC ngày 27 tháng 5 năm 2016.

+ Bên bảo lãnh ông Đào Văn N có nghĩa vụ trả thay toàn bộ khoản nợ của Công ty TS tại Ngân hàng TV. Trường hợp ông Đào Văn N không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TV thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự xác minh, kê biên, thu giữ và xử lý các tài sản thuộc sở hữu của ông Đào Văn N để thu hồi nợ của Công ty TS cho Ngân hàng TV theo hợp đồng bảo lãnh số 140316- 2584311 - 01 –SME/HĐBL ngày 15/3/2016.

3.Về án phí: Công ty TS tự nguyện xin chịu toàn bộ tiền án phí kinh doanh thương mại là: 19.711.126đ (Mười chín triệu bảy trăm mười một nghìn một trăm hai mươi sáu) đồng)

- Hoàn trả lại cho Ngân hàng TV số tiền 18.605.000đ (Mười tám triệu sáu trăm linh năm nghìn) đồng đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0001377 ngày 06 tháng 11 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và

không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Thơm

1/ Ngân hàng TMCP công thương Việt Nam- Chi nhánh Hùng Vương và ông Nguyễn Văn Sơn thống nhất thỏa thuận toàn bộ số tiền nợ lãi theo hợp tín dụng số 06120089 ngày 28/12/2006, tính đến ngày 29/4/2014 số tiền lãi gia đình ông Sơn còn nợ là 553.364.936 đồng làm tròn là 553.365.000 đồng.

2/ Số tiền nợ này ngân hàng TMCP công thương Việt Nam- Chi nhánh Hùng Vương sẽ cho gia đình ông **Nguyễn Văn Sơn (Tức Nguyễn Văn Hồng)** trả theo tháng. Mỗi tháng trả 10.000.000đồng. Trả vào ngày mùng 10 hàng tháng, kể từ tháng 10/2014 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ 553.365.000 đồng.

3/ Giữ nguyên hợp đồng thế chấp số số 06130089 ngày 29/12/2006 ký kết giữa gia đình ông Nguyễn Văn Sơn với ngân hàng TMCP công thương Việt Nam- Chi nhánh Hùng Vương. Nếu tại bất kỳ kỳ hạn trả nợ nào mà ông Sơn không trả được thì Ngân hàng TMCP công thương Việt Nam- Chi nhánh Hùng Vương có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án kê biên tài sản bảo đảm của gia đình ông Nguyễn Văn Sơn là 01 sà lan máy trọng tải 499 tấn, biển số đăng ký: PT - 1297 Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa số 1559/ĐK do Sở giao thông vận tải tỉnh Phú Thọ cấp ngày 26/06/2007 đứng tên Nguyễn Văn Sơn, đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 18/07/2007 tại Trung tâm đăng ký tài sản tại Hà Nội để xử lý thu hồi nợ cho Ngân hàng.

TÒA ÁN NHÂN DÂN.....⁽¹⁾

Số:...../...../QĐST-.....⁽²⁾

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng năm.....

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN.....

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông (Bà).....

Thẩm phán (nếu Hội đồng xét xử gồm có 5 người): Ông (Bà).....

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông (Bà).....

2. Ông (Bà).....

3. Ông (Bà).....

Căn cứ vào các điều 212, 213, 235 và 246 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số:...../...../TLST-....⁽³⁾ ngày...tháng... năm....

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:⁽⁴⁾

.....
.....

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:⁽⁵⁾

.....

.....

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

(6)

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 39-DS:

(1) Ghi tên Tòa án nhân dân ra quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự; nếu là Tòa án nhân dân cấp huyện, thì cần ghi rõ Tòa án nhân dân huyện nào thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh H), nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thì ghi rõ Tòa án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội).

(2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm ra quyết định (ví dụ: Số: 56/2017/QĐST-KDTM).

(3) Ghi số ký hiệu và ngày, tháng, năm thụ lý vụ án (ví dụ: Số 50/2017/TLST-KDTM).

(4) Ghi họ tên, tư cách đương sự trong vụ án, địa chỉ nơi cư trú và nơi làm việc của các đương sự theo thứ tự như hướng dẫn cách ghi trong mẫu bản án sơ thẩm.

(5) Ghi đầy đủ lần lượt các thỏa thuận của các đương sự về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án đã được thể hiện trong biên bản hoà giải thành (kể cả án phí).

(6) Phần cuối cùng của Quyết định cần phải có đầy đủ chữ ký, họ tên của các thành viên Hội đồng xét xử (Quyết định này phải lưu vào hồ sơ vụ án); Quyết định gửi cho các đương sự, cơ quan, tổ chức khởi kiện và Viện kiểm sát cùng cấp thì cần ghi như sau:

Nơi nhận:

- Ghi theo quy định tại đoạn 2 khoản 1 Điều 212 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

